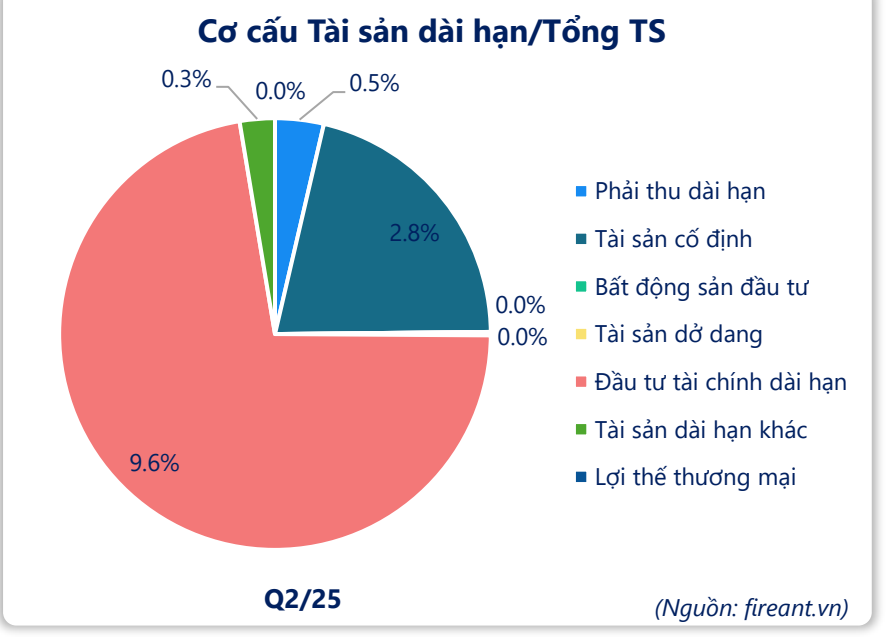
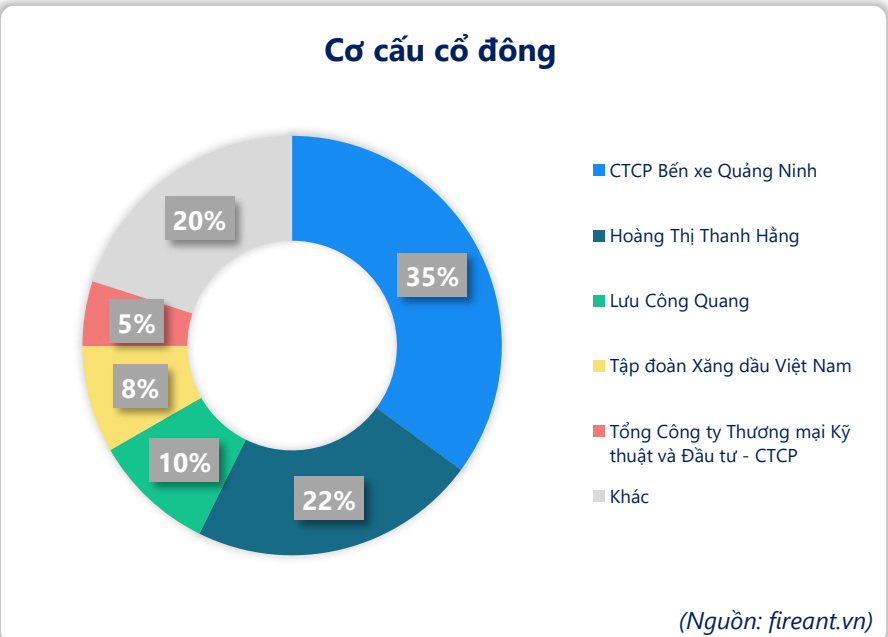
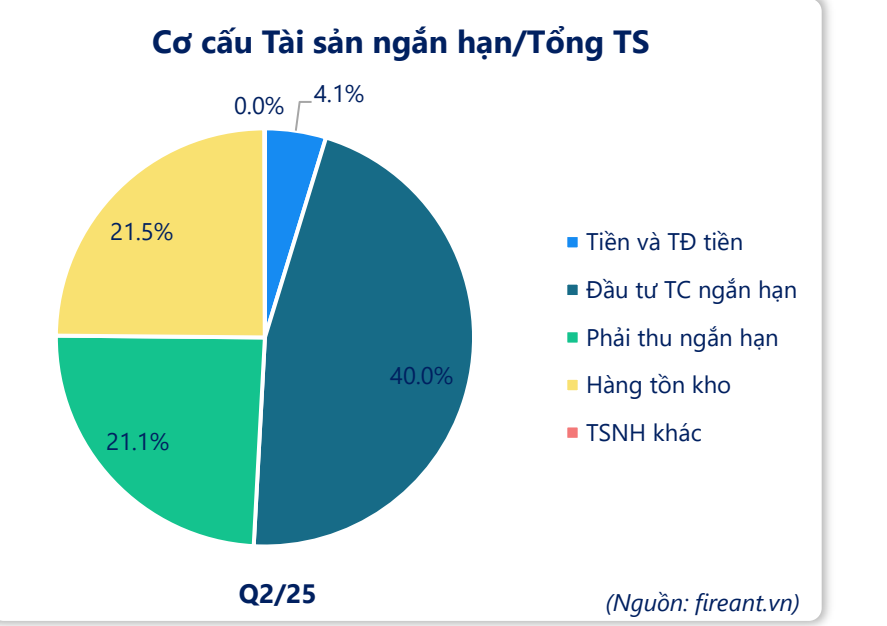
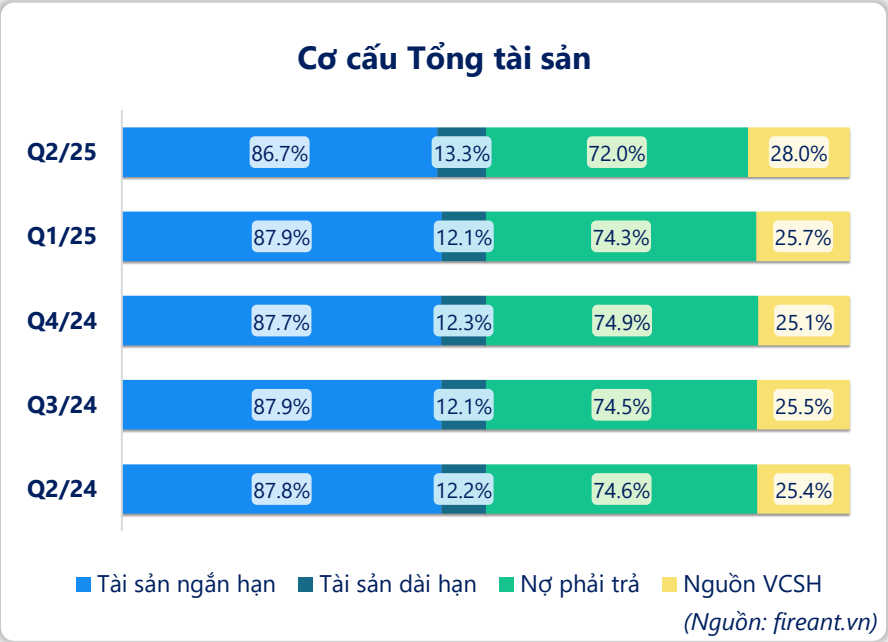
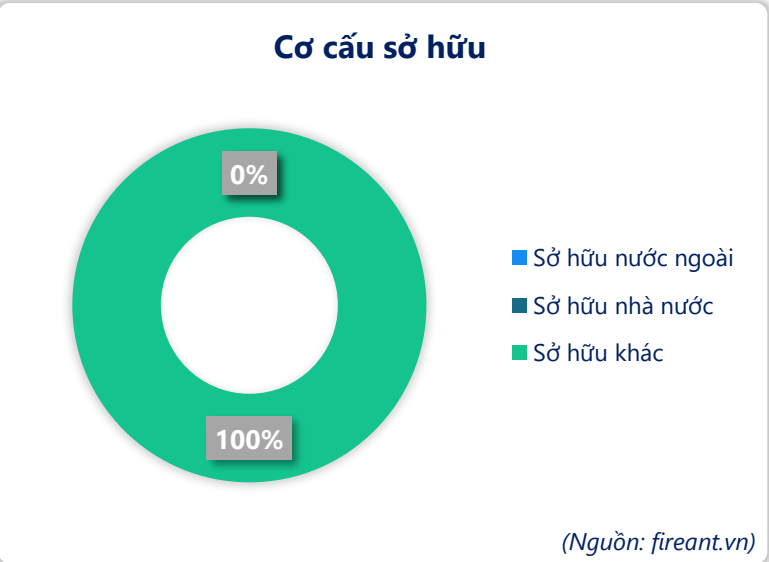
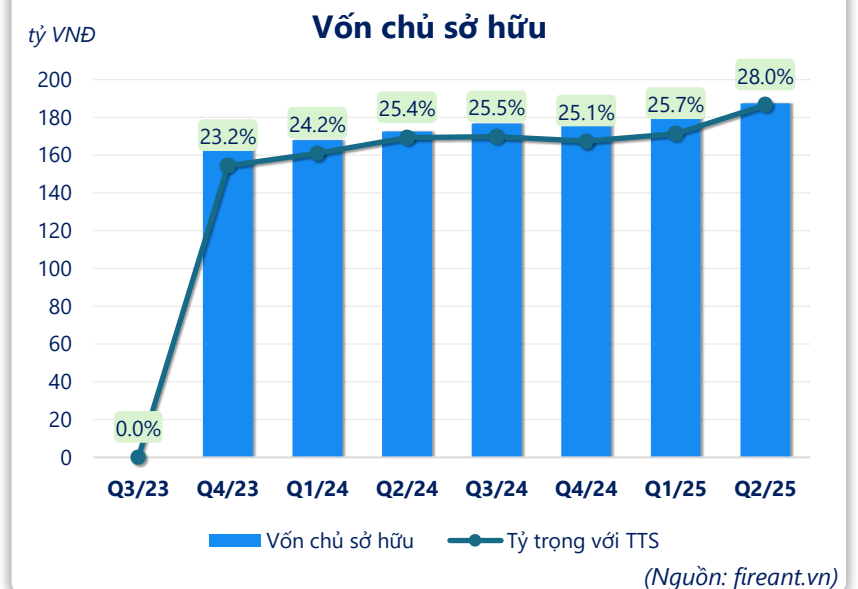
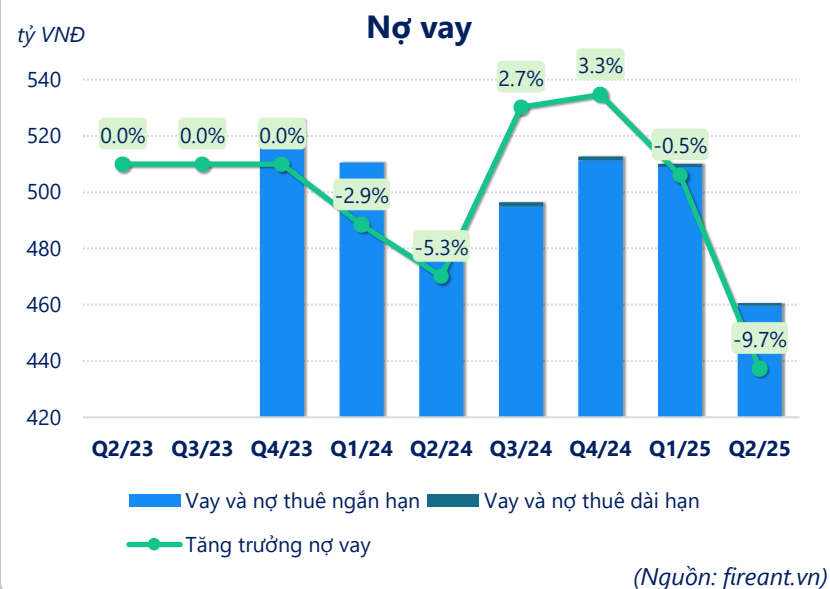
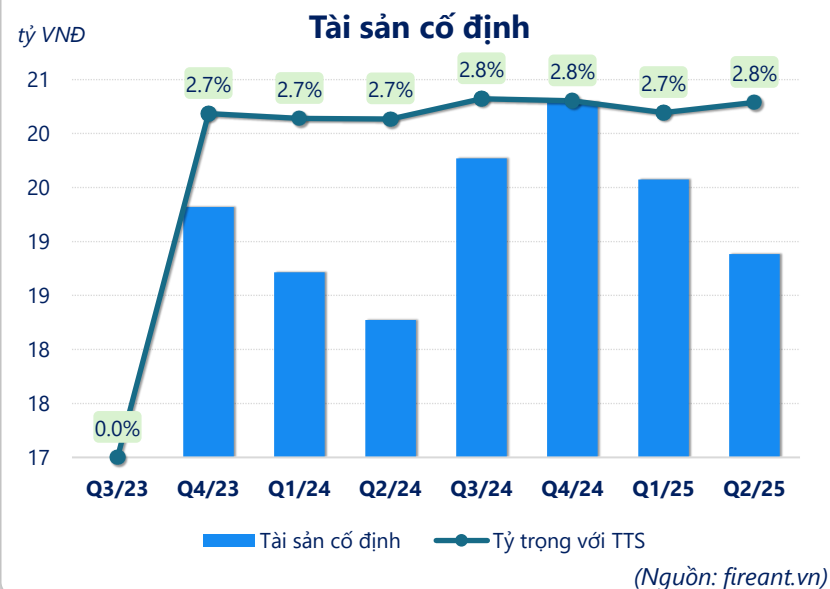
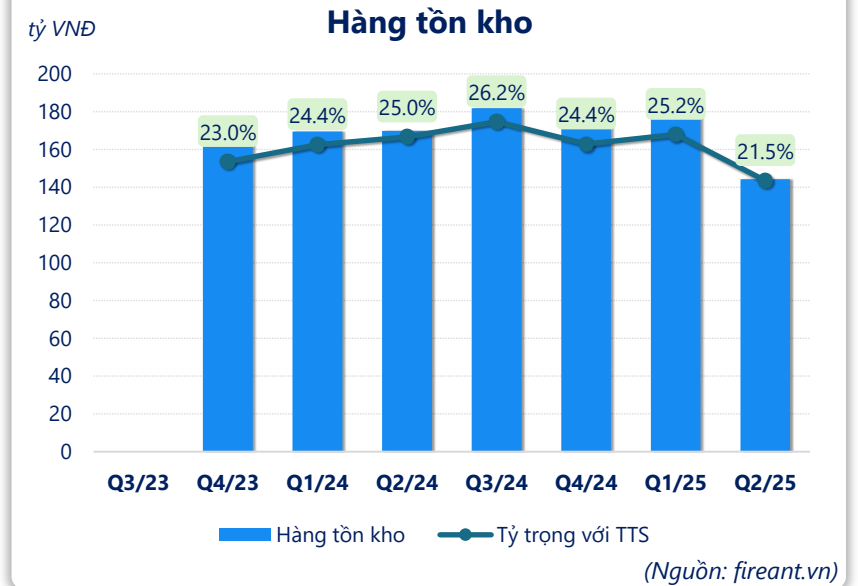
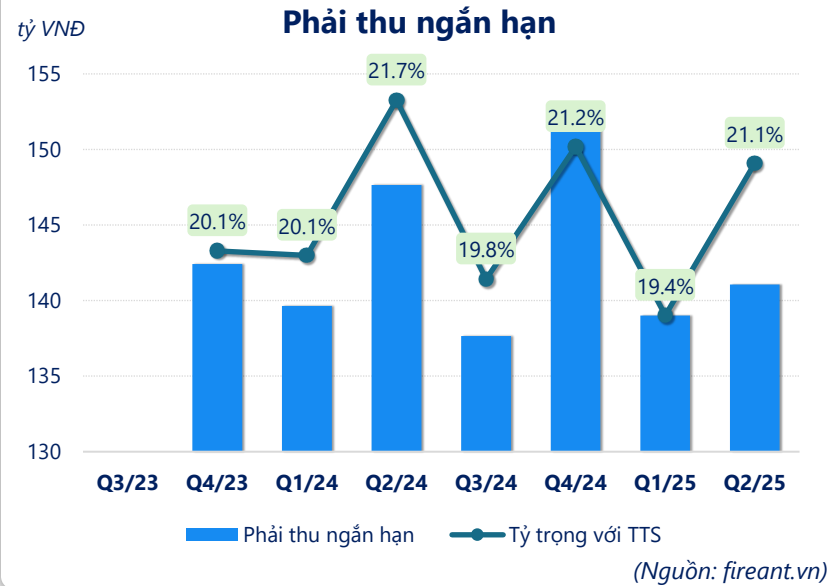
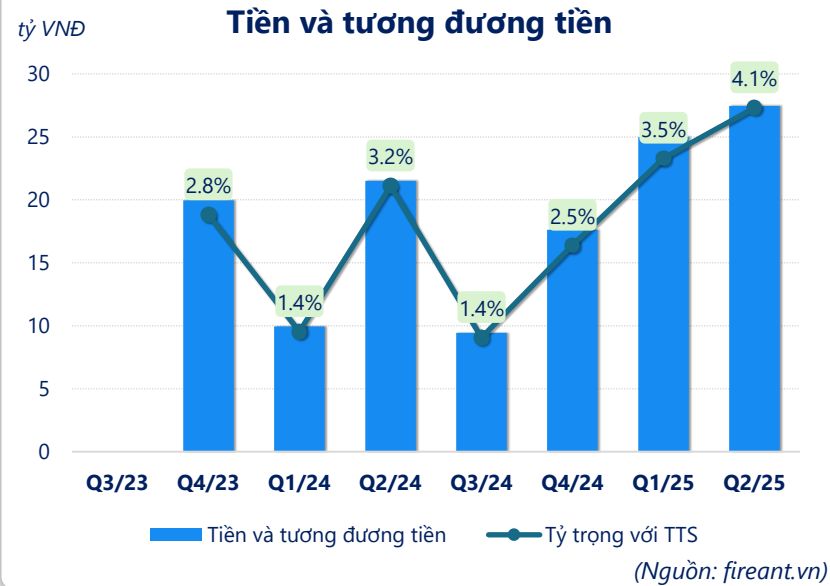
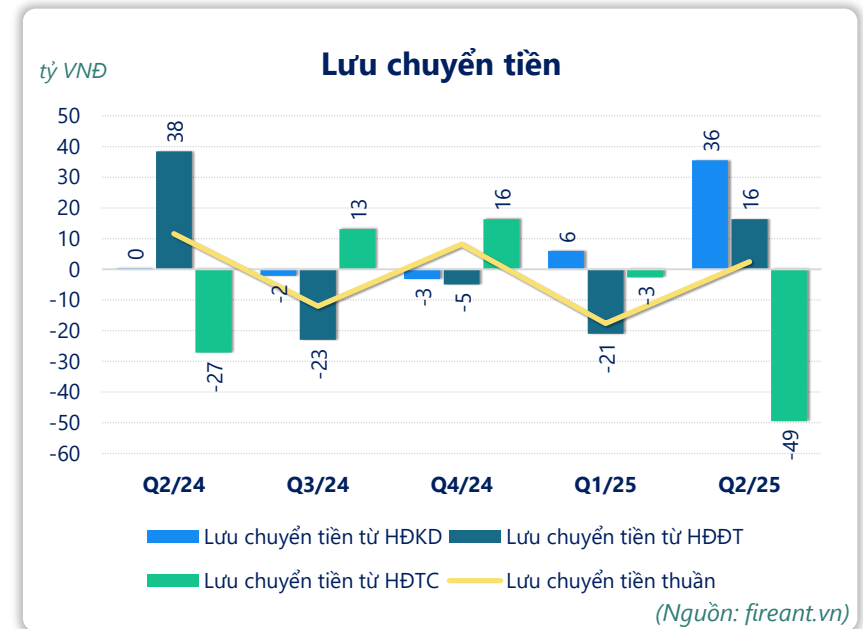
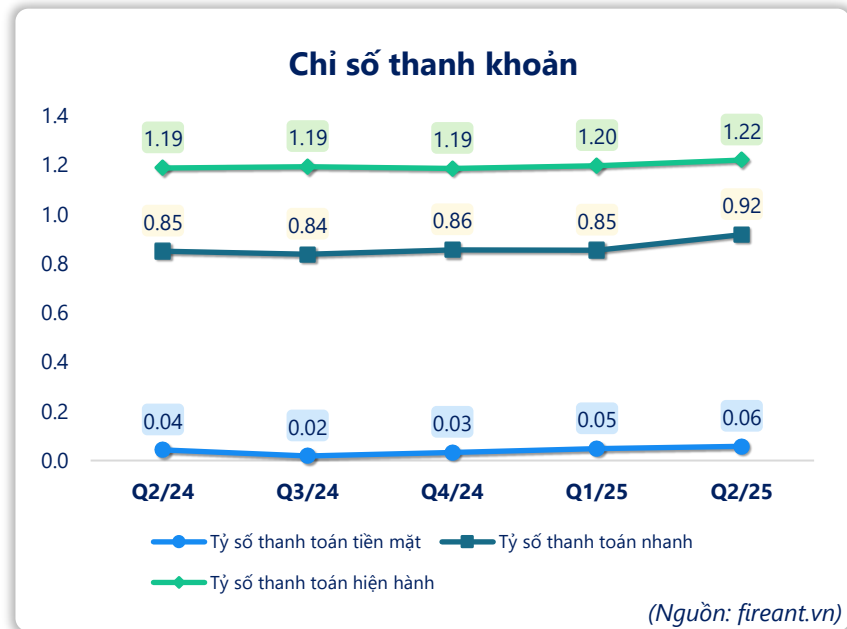
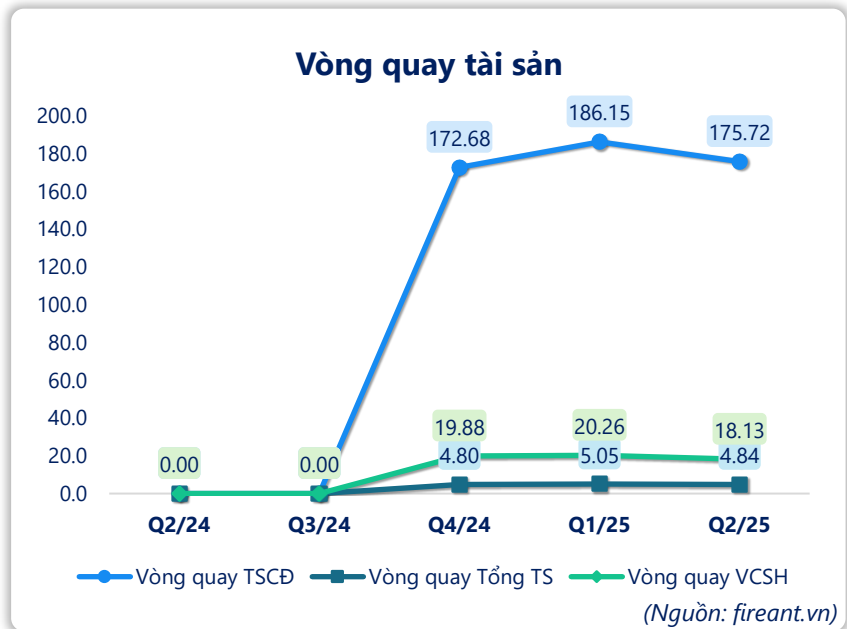
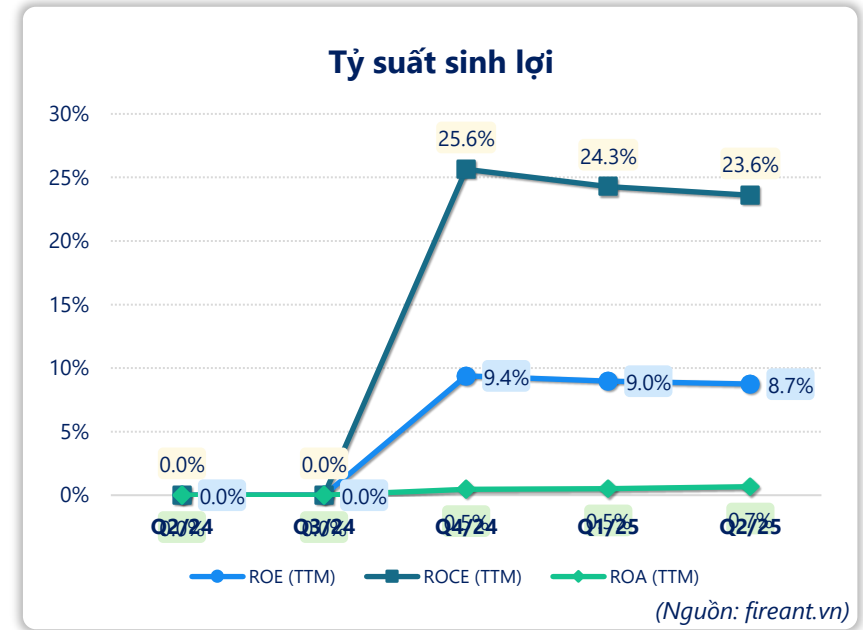
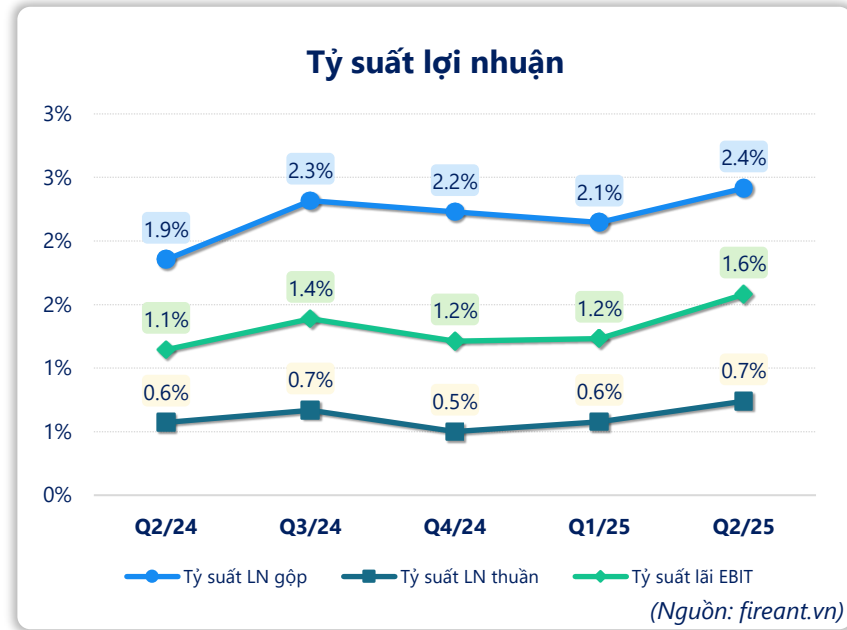
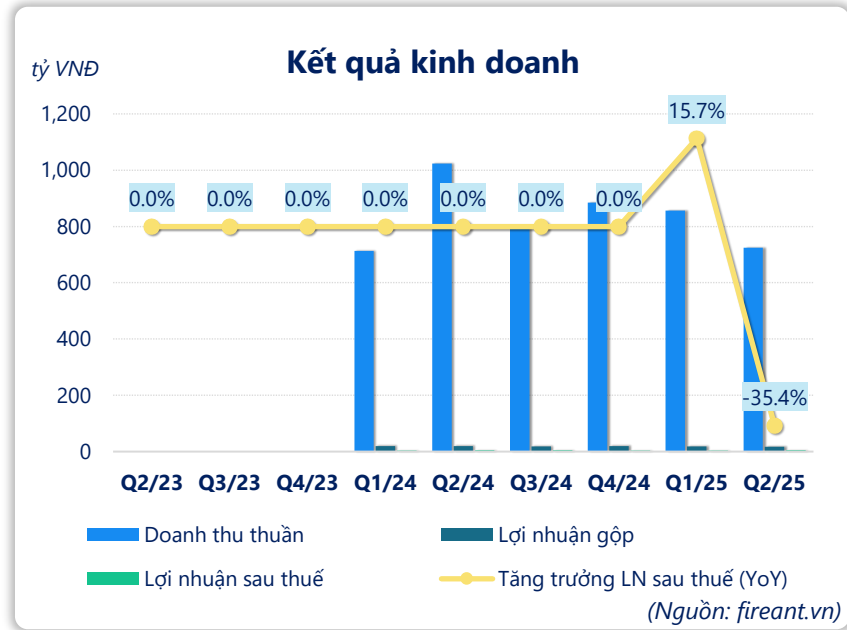


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		8,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		11,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,500
SL cổ phiếu LH		15,848,063
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,355
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		133
P/E		8.5
EPS		992

	YTD	1T	3T	6T
BMF	-3.4%	-1.2%	-7.7%	-2.3%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	670	717	-6.5%
Tài sản ngắn hạn	581	629	-7.6%
Tiền và tương đương tiền	27.4	42.6	-35.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	268	258	3.8%
Phải thu ngắn hạn	141	152	-7.3%
Hàng tồn kho	144	175	-17.6%
Tài sản ngắn hạn khác	0.21	0.57	-63.6%
Tài sản dài hạn	89.1	88.0	1.2%
Phải thu dài hạn	3.25	4.14	-21.5%
Tài sản cố định	18.9	20.3	-6.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.23	0.23	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	64.4	61.2	5.2%
Tài sản dài hạn khác	2.34	2.16	8.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	483	537	-10.1%
Nợ ngắn hạn	476	530	-10.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	460	512	-10.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	2.04	2.17	-5.7%
Nợ dài hạn	6.43	6.26	2.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.94	1.09	-14.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	187	180	4.1%
Vốn chủ sở hữu	187	180	4.1%
Vốn điều lệ	158	158	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,024	799	885	857	724
Giá vốn hàng bán	1,005	780	865	838	707
Lợi nhuận gộp	19.0	18.5	19.7	18.4	17.5
Doanh thu HĐTC	3.35	2.97	3.13	3.29	4.60
Chi phí TC	5.87	5.84	6.17	5.83	6.09
Chi phí lãi vay	5.87	5.84	6.48	5.83	6.09
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.91	5.67	5.53	5.55	5.46
Chi phí QLDN	4.69	4.64	6.72	5.33	5.17
LN thuần từ HĐKD	5.86	5.33	4.43	4.95	5.36
Lợi nhuận khác	-0.01	-0.08	-0.20	-0.23	-0.01
LN trước thuế	5.85	5.25	4.24	4.72	5.35
Lợi nhuận sau thuế	4.58	4.16	3.34	3.69	4.53
LNST của CĐ cty mẹ	4.58	4.16	3.34	3.69	4.53

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.32	-2.16	-3.15	6.02	35.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	38.4	-22.9	-4.97	-21.0	16.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-27.2	13.0	16.3	-2.64	-49.4
Tiền đầu kỳ	9.94	21.5	9.44	42.6	25.0
Lưu chuyển tiền thuần	11.6	-12.1	8.18	-17.6	2.46
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	21.5	9.44	17.6	25.0	27.4

(Nguồn: fireant.vn)